

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0102311149 ngày 25 tháng 6 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Thay đổi mới nhất (lần thứ 17) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 6 tháng 1 năm 2021.

Tại ngày ký báo cáo tài chính này:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 19/2/2021)
	Ông Trần Trọng Hữu	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 19/2/2021)
	Ông Vương Dũng Hoàng	Thành viên
	Ông Đoàn Trúc Lâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19/2/2021)
	Ông Phạm Đăng Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/6/2020 và miễn nhiệm ngày 19/2/2021)
	Ông Nguyễn Hải Long	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19/3/2020)
	Ông Trần Anh Khoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19/3/2020)
	Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19/3/2020)
	Ông Trịnh Văn Minh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19/3/2020)
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hải Long	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/1/2021)
	Ông Đoàn Trúc Lâm	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1/1/2021)
	Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Phó Giám đốc
	Ông Tạ Quốc Anh	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Hải Long	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1/1/2021)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Hải Long	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/1/2021)
	Ông Đoàn Trúc Lâm	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1/1/2021)
Trụ sở chính	Tầng 11, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Số 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc) ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Người đại diện theo pháp luật được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 40. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Hải Long
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc) (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020, và được Người đại diện theo pháp luật của Công ty phê chuẩn ngày 15 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 10 đến trang 40.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 do một đơn vị kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 27 tháng 3 năm 2020.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Viết Hùng Trân
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM 10183
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2021



Hoàng Phan Quang
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
3839-2021-006-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết Minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		936.193.217.762	605.408.358.000
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	252.177.137.174	72.565.290.921
111	Tiền		63.077.137.174	56.565.290.921
112	Các khoản tương đương tiền		189.100.000.000	16.000.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		98.100.000.000	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	98.100.000.000	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		475.554.101.663	410.749.205.635
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	525.274.421.513	454.753.801.372
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		9.817.267.993	4.532.525.037
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	10.099.096.710	18.292.548.688
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(69.636.684.553)	(66.829.669.462)
140	Hàng tồn kho	7	36.261.986.000	38.891.466.409
141	Hàng tồn kho		36.261.986.000	38.891.466.409
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		74.099.992.925	83.202.395.035
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	2.499.057.592	1.773.124.583
152	Thuế GTGT được khấu trừ	13(a)	67.646.244.965	79.462.531.808
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13(b)	3.954.690.368	1.966.738.644

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		614.573.872.325	676.852.626.787
210	Các khoản phải thu dài hạn		6.284.000.000	6.112.954.598
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	6.284.000.000	6.112.954.598
220	Tài sản cố định		344.581.204.642	371.941.243.783
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	341.676.007.813	369.024.472.884
222	Nguyên giá		676.031.465.353	691.247.161.160
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(334.355.457.540)	(322.222.688.276)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	2.905.196.829	2.916.770.899
228	Nguyên giá		6.601.162.572	5.836.321.456
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.695.965.743)	(2.919.550.557)
230	Bất động sản đầu tư	10	22.357.771.534	23.186.576.974
231	Nguyên giá		26.427.782.233	26.427.782.233
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.070.010.699)	(3.241.205.259)
240	Tài sản dở dang dài hạn		1.038.562.335	15.931.669.433
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.038.562.335	15.931.669.433
250	Đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	10.000.000.000	10.000.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		35.000.000.000	35.000.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
260	Tài sản dài hạn khác		230.312.333.814	249.680.181.999
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	230.312.333.814	249.680.181.999
270	TỔNG TÀI SẢN		1.550.767.090.087	1.282.260.984.787

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết Minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.069.421.903.500	801.358.079.530
310	Nợ ngắn hạn		960.619.178.066	696.373.705.548
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	833.965.047.584	522.675.449.983
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.839.483.973	4.042.289.810
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(c)	2.981.741.893	2.765.013.996
314	Phải trả người lao động		13.276.130.129	17.082.612.725
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	8.680.559.527	5.265.731.362
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	864.029.291	864.029.291
319	Phải trả ngắn hạn khác	16(a)	46.012.185.669	25.004.951.415
320	Vay ngắn hạn	17	50.000.000.000	118.673.626.966
330	Nợ dài hạn		108.802.725.434	104.984.373.982
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	15	21.600.730.716	22.464.760.780
337	Phải trả dài hạn khác	16(b)	87.201.994.718	82.519.613.202
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		481.345.186.587	480.902.905.257
410	Vốn chủ sở hữu		481.345.186.587	480.902.905.257
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18,19	365.000.000.000	365.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		365.000.000.000	365.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	19.717.060.000	19.717.060.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	19	83.824.619.704	83.824.619.704
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	12.803.506.883	12.361.225.553
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		12.361.225.553	12.179.482.925
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		442.281.330	181.742.628
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.550.767.090.087	1.282.260.984.787



Hoàng Thị Thùy Chi
Người lập



Phạm Thị Diệu Thúy
Kế toán trưởng





Nguyễn Hải Long
Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

Mẫu số B 02 – DN

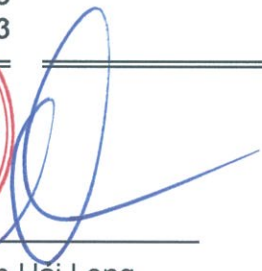
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.457.965.930.652	3.480.461.687.912
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.457.965.930.652	3.480.461.687.912
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	3.102.634.536.323	3.108.657.585.071
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	355.331.394.329	371.804.102.841
21	Doanh thu hoạt động tài chính	7.275.433.289	3.897.536.768
22	Chi phí tài chính	3.997.945.065	21.565.194.033
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	2.071.883.315	18.454.404.003
25	Chi phí bán hàng	314.150.670.045	309.083.344.205
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.827.175.703	43.609.213.975
30	(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(5.368.963.195)	1.443.887.396
31	Thu nhập khác	6.545.008.149	149.556.852
32	Chi phí khác	139.363.624	1.386.591.620
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác	6.405.644.525	(1.237.034.768)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.036.681.330	206.852.628
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	525.400.000	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	511.281.330	206.852.628
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13	6
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	13	6


Hoàng Thị Thùy Chi
Người lập


Phạm Thị Diệu Thúy
Kế toán trưởng




Nguyễn Hải Long
Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.036.681.330	206.852.628
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	39.081.477.778	36.166.520.256
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	2.807.015.091	(2.526.215.985)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.414.623.008	(1.553.417.654)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(12.283.875.724)	(3.716.254.610)
06	Chi phí lãi vay	2.071.883.315	18.454.404.003
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	34.127.804.798	47.031.888.638
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(30.751.162.086)	103.134.260.071
10	Giảm hàng tồn kho	2.629.480.409	31.025.296.760
11	Tăng các khoản phải trả	335.395.179.945	80.557.928.504
12	Giảm chi phí trả trước	18.641.915.176	19.333.084.571
14	Tiền lãi vay đã trả	(2.132.445.161)	(18.786.693.134)
15	Thuế TNDN đã nộp	(1.225.400.000)	(980.743.929)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(69.000.000)	(225.060.127)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	356.616.373.081	261.089.961.354
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(17.514.900.025)	(29.812.042.905)
22	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	18.181.819	97.072.727
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	(98.100.000.000)	-
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	-	26.800.000.000
27	Tiền cổ tức và thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	7.277.608.515	4.972.314.749
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(108.319.109.691)	2.057.344.571
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	-	87.801.500.000
33	Tiền thu đi vay	624.416.404.060	1.991.937.470.879
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(693.090.031.026)	(2.290.812.215.016)
36	Tiền cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	(23.828.000)	(13.397.192.176)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(68.697.454.966)	(224.470.436.313)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	179.599.808.424	38.676.869.612
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 72.565.290.921	33.888.421.309
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	12.037.829	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 252.177.137.174	72.565.290.921

Hoàng Thị Thùy Chi
Người lập

Phạm Thị Diệu Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Long
Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 15 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102311149 đề ngày 25 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Thay đổi gần nhất (lần thứ 17) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 6 tháng 1 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh phân đạm, amoniac, các sản phẩm hóa chất khác, các dịch vụ trong kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kiểm tra kỹ thuật an toàn đối với chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực;
- Giám định kỹ thuật chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng và các thiết bị chịu áp lực;
- Đại lý, mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Đào tạo lao động kỹ thuật ngành gas (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị kho chứa, trạm chiết nạp LPG và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh LPG và các sản phẩm dầu khí;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ kiện, kho bãi, trạm chiết nạp LPG và sản phẩm dầu khí; và
- Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm dầu khí.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 4 chi nhánh như sau:

- Chi nhánh Bắc Bộ;
- Chi nhánh Duyên Hải;
- Chi nhánh Miền Trung; và
- Chi nhánh Miền Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 541 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 487 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hay "Đồng"). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu, và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính (như phát hành cổ phiếu và đi vay) và/hoặc thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên). Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Người đại diện theo pháp luật thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Người đại diện theo pháp luật thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy mà Công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Người đại diện theo pháp luật Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 22 năm
Máy móc và thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	6 – 12 năm
Thiết bị quản lý	4 – 9 năm
TSCĐ hữu hình khác	4 – 7 năm
Phần mềm máy tính	3 – 5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (Tiếp theo)

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian nêu trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là 32 năm.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Nguyên giá bình gas mua vào bao gồm chi phí mua bình gas và các chi phí liên quan khác để bình gas ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.12 Chi phí trả trước (Tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003 cũng được ghi nhận là chi phí trả trước theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản chính tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.16 Các khoản dự phòng (Tiếp theo)

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất và kinh doanh trong năm.

2.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu bao gồm doanh thu nhận trước cho Công ty TNHH Daesun Vina thuê nhà xưởng, cơ sở hạ tầng. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ như sau:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Đồng Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Doanh thu vỏ bình gas

Tiền ký quỹ vỏ bình gas được nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm tương ứng với thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas. Số tiền đặt cọc còn lại chưa phân bổ vào doanh thu được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán.

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(e) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công.

2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Người đại diện theo pháp luật phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh 2.8(c) và Thuyết minh 4(b));
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.9 và Thuyết minh 9);
- Thời gian phân bổ vỏ bình gas (Thuyết minh 2.12 và Thuyết minh 8(b)); và
- Thời gian phân bổ tiền ký cược vỏ bình gas vào doanh thu (Thuyết minh 2.20(c) và Thuyết minh 16(b)).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Người đại diện theo pháp luật đánh giá là hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2020 VND	2019 VND
Tiền mặt	3.842.820.723	1.661.266.609
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.234.316.451	54.904.024.312
Các khoản tương đương tiền (*)	189.100.000.000	16.000.000.000
	<u>252.177.137.174</u>	<u>72.565.290.921</u>

(*) Bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất được hưởng từ 2,9% đến 5%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi trị giá 16 tỷ Đồng gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội được dùng để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 01/2020/CTD/VCBHN – PVGN đề ngày 31 tháng 3 năm 2020 (Thuyết minh 17).

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	<u>98.100.000.000</u>	<u>98.100.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng trong nước bằng Đồng Việt Nam và có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng. Lãi suất được hưởng từ 3,6% đến 5,5%/năm.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (*)	25.000.000.000	(25.000.000.000)	25.000.000.000	(25.000.000.000)
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (**)	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>
	<u>35.000.000.000</u>	<u>(25.000.000.000)</u>	<u>35.000.000.000</u>	<u>(25.000.000.000)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

4 ĐÀU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang sở hữu 2.500.000 cổ phần, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam), tương đương với 5% vốn điều lệ. Căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào công ty này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của công ty này so với báo cáo tài chính gần nhất mà Công ty thu thập được dùng để xác định dự phòng, gây ảnh hưởng trọng yếu đến mức dự phòng mà Công ty đã lập.
- (**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang sở hữu 1.248.000 cổ phần, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng, tương đương với 9,98% vốn điều lệ. Căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã không trích lập dự phòng giá trị khoản đầu tư vào công ty này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của công ty này so với báo cáo tài chính gần nhất mà Công ty thu thập được dùng để xác định dự phòng, gây ảnh hưởng trọng yếu đến mức dự phòng mà Công ty đã lập.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Bên thứ ba	447.651.147.378	(23.593.996.411)	407.454.874.822	(20.090.021.320)
Trong đó:				
- Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Dầu khí Việt Hải	18.945.600.504	(18.945.600.504)	18.945.600.504	(18.945.600.504)
- Công ty TNHH Dầu khí Gia Định	9.071.219.523	-	18.995.582.711	-
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Chi nhánh Thái Nguyên	7.796.407.783	-	20.642.650.765	-
- Công ty TNHH Thương mại Trần Hồng Quân	6.786.592.226	-	6.390.511.504	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Hồng Hà	5.356.095.178	-	6.314.821.021	-
- Công ty TNHH MTV Gas Venus	814.065.380	-	51.264.477.220	-
- Bên thứ ba khác	398.881.166.784	(4.648.395.907)	284.901.231.097	(1.144.420.816)
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	77.623.274.135	(46.042.688.142)	47.298.926.550	(46.739.648.142)
Trong đó:				
- Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	46.042.688.142	(46.042.688.142)	46.739.648.142	(46.739.648.142)
- Bên liên quan khác	31.580.585.993	-	559.278.408	-
	<u>525.274.421.513</u>	<u>(69.636.684.553)</u>	<u>454.753.801.372</u>	<u>(66.829.669.462)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

6 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2020 VND	2019 VND
Phải thu người lao động	3.342.217.804	3.885.604.937
Ký quỹ, ký cược	1.346.398.390	1.417.702.154
Chênh lệch vận tải	607.063.597	1.877.691.426
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	-	2.275.641.314
Hàng vay trả	-	1.726.080.970
Khác	4.803.416.919	7.109.827.887
	<u>10.099.096.710</u>	<u>18.292.548.688</u>

(b) Dài hạn

	2020 VND	2019 VND
Ký quỹ, ký cược	<u>6.284.000.000</u>	<u>6.112.954.598</u>

7 HÀNG TỒN KHO

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	11.778.594.372	-
Nguyên vật liệu	4.165.174.885	-	3.051.878.412	-
Công cụ, dụng cụ	2.772.616.599	-	1.079.520.884	-
Chi phí SXKD dở dang	862.193.946	-	100.673.636	-
Thành phẩm	267.832.408	-	17.711.586	-
Hàng hóa	28.194.168.162	-	22.863.087.519	-
	<u>36.261.986.000</u>	<u>-</u>	<u>38.891.466.409</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2020 VND	2019 VND
Công cụ, dụng cụ	1.415.953.408	421.383.021
Chi phí thuê ngoài	330.175.787	625.685.613
Tiền thuê văn phòng trả trước	603.909.456	483.399.222
Khác	149.018.941	242.656.727
	<u>2.499.057.592</u>	<u>1.773.124.583</u>

(b) Dài hạn

	2020 VND	2019 VND
Chi phí vỏ bình gas (*)	123.578.360.675	138.150.470.716
Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước	102.735.771.834	102.265.495.314
Khác	3.998.201.305	9.264.215.969
	<u>230.312.333.814</u>	<u>249.680.181.999</u>

(*) Biến động về chi phí vỏ bình gas trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	138.150.470.716	152.881.629.975
Tăng	20.967.034.012	21.576.891.129
Phân bổ	(35.539.144.053)	(36.308.050.388)
Số dư cuối năm	<u>123.578.360.675</u>	<u>138.150.470.716</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	451.558.681.510	221.840.162.272	13.677.965.037	1.702.055.877	2.468.296.464	691.247.161.160
Mua trong năm	2.868.768.109	911.740.000	-	193.050.000	44.172.421	4.017.730.530
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	20.204.655.161	7.136.967.543	-	283.812.773	-	27.625.435.477
Thanh lý, nhượng bán	(42.282.273.795)	(4.459.341.519)	(117.246.500)	-	-	(46.858.861.814)
Phân loại lại	(282.149.477)	444.856.845	-	(74.119.823)	(88.587.545)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	432.067.681.508	225.874.385.141	13.560.718.537	2.104.798.827	2.423.881.340	676.031.465.353
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	(185.828.154.781)	(120.169.582.866)	(12.489.523.874)	(1.661.786.463)	(2.073.640.292)	(322.222.688.276)
Khấu hao trong năm	(19.125.809.031)	(17.774.458.325)	(334.473.987)	(42.872.160)	(198.643.649)	(37.476.257.152)
Thanh lý, nhượng bán	23.303.921.692	1.897.620.386	117.246.500	-	24.699.310	25.343.487.888
Phân loại lại	282.149.477	(370.737.022)	-	-	88.587.545	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	(181.367.892.643)	(136.417.157.827)	(12.706.751.361)	(1.704.658.623)	(2.158.997.086)	(334.355.457.540)
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	265.730.526.729	101.670.579.406	1.188.441.163	40.269.414	394.656.172	369.024.472.884
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	250.699.788.865	89.457.227.314	853.967.176	400.140.204	264.884.254	341.676.007.813

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 125.368.206.281 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 75.848.456.934 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) (TIẾP THEO)

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	2.856.165.670	2.980.155.786	5.836.321.456
Mua trong năm	764.841.116	-	764.841.116
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	3.621.006.786	2.980.155.786	6.601.162.572
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	(2.092.055.931)	(827.494.626)	(2.919.550.557)
Khấu hao trong năm	(691.161.330)	(85.253.856)	(776.415.186)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	(2.783.217.261)	(912.748.482)	(3.695.965.743)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	764.109.739	2.152.661.160	2.916.770.899
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	837.789.525	2.067.407.304	2.905.196.829

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.262.625.670 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 901.890.670 Đồng).

10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	26.427.782.233
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	26.427.782.233
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	(3.241.205.259)
Khấu hao trong năm	(828.805.440)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	(4.070.010.699)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	23.186.576.974
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	22.357.771.534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị Nhà xưởng nạp chai LPG cho Công ty TNHH Daesun Vina thuê. Bất động sản đầu tư này đã được đưa vào sử dụng từ tháng 1 năm 2014.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 để trình bày trên báo cáo tài chính.

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	2020 VND	2019 VND
Trạm chiết nạp Thái Nguyên	332.769.210	13.978.252.426
Cải tạo hệ thống bơm LPG tại Tổng kho Hải Phòng	-	1.816.903.371
Dự án khác	705.793.125	136.513.636
	<u>1.038.562.335</u>	<u>15.931.669.433</u>

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	15.931.669.433	10.012.897.065
Mua sắm	12.732.328.379	20.559.495.595
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(27.625.435.477)	(14.640.723.227)
Số dư cuối năm	<u>1.038.562.335</u>	<u>15.931.669.433</u>

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba	67.581.536.038	162.610.338.700
Trong đó:		
- Công ty TNHH Itochu Petroleum (Singapore)	21.939.708.902	12.668.969.027
- Công ty TNHH Lọc hóa Dầu Nghi Sơn	18.889.543.112	-
- Công ty E1 Corporation	-	52.716.593.975
- Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Trung	-	36.262.730.922
- Bên thứ ba khác	26.752.284.024	60.962.044.776
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	766.383.511.546	360.065.111.283
	<u>833.965.047.584</u>	<u>522.675.449.983</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1/1/2020 VND	Số phải thu/phải nộp trong năm VND	Số đã căn trừ trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2020 VND
(a) Thuế Giá trị Gia tăng (“GTGT”) được khấu trừ					
Thuế GTGT đầu vào	79.462.531.808	490.648.930.934	(479.465.217.777)	(23.000.000.000)	67.646.244.965
(b) Phải thu					
Thuế TNDN	1.896.005.480	1.358.684.888	-	700.000.000	3.954.690.368
Thuế thu nhập cá nhân	70.733.164	(70.733.164)	-	-	-
	1.966.738.644	1.287.951.724	-	700.000.000	3.954.690.368
(c) Phải nộp					
Thuế GTGT đầu ra	1.470.518.783	486.942.441.830	(479.465.217.777)	(6.892.474.159)	2.055.268.677
Thuế TNDN	-	525.400.000	-	(525.400.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	690.137.540	1.004.130.026	-	(767.794.350)	926.473.216
Thuế nhập khẩu	604.357.673	7.033.640.601	-	(7.637.998.274)	-
Thuế khác	-	1.167.352.893	-	(1.167.352.893)	-
	2.765.013.996	496.672.965.350	(479.465.217.777)	(16.991.019.676)	2.981.741.893

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Lãi vay phải trả	62.768.964	123.330.810
Chi phí thuê vỏ bình	6.080.267.682	4.502.520.375
Khác	2.537.522.881	639.880.177
	<u>8.680.559.527</u>	<u>5.265.731.362</u>

15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu nhận trước từ việc cho Công ty TNHH Daesun Vina thuê nhà xưởng, cơ sở hạ tầng		
- Ngắn hạn	864.029.291	864.029.291
- Dài hạn	21.600.730.716	22.464.760.780
	<u>22.464.760.007</u>	<u>23.328.790.071</u>

16 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2020 VND	2019 VND
Phải trả hàng vay	20.594.584.569	20.693.196.232
Tiền hỗ trợ người lao động	6.684.000.000	-
Chiết khấu thương mại	4.173.469.944	-
Cổ tức phải trả	2.113.595.404	2.137.423.404
Khác	12.446.535.752	2.174.331.779
	<u>46.012.185.669</u>	<u>25.004.951.415</u>

(b) Dài hạn

	2020 VND	2019 VND
Ký cược vỏ bình gas	<u>87.201.994.718</u>	<u>82.519.613.202</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

16 PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn

Biến động về ký cược vỏ bình gas trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	82.519.613.202	81.536.889.644
Nhận ký cược vỏ bình gas	23.052.340.000	19.541.235.000
Kết chuyển vào doanh thu (Thuyết minh 22)	(18.122.340.045)	(18.312.312.938)
Hoàn tiền đặt cọc vỏ bình gas	(247.618.439)	(246.198.504)
Số dư cuối năm	<u>87.201.994.718</u>	<u>82.519.613.202</u>

17 VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 1/1/2020 VND	Vay mới trong năm VND	Trả trong năm VND	Tại ngày 31/12/2020 VND
Vay ngắn hạn	<u>118.673.626.966</u>	<u>624.416.404.060</u>	<u>(693.090.031.026)</u>	<u>50.000.000.000</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	2020 VND	2019 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (i)	20.000.000.000	48.673.186.057
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	30.000.000.000	70.000.440.909
	<u>50.000.000.000</u>	<u>118.673.626.966</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội là khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/CTD/VCBHN – PVGN đề ngày 31 tháng 3 năm 2020 có mức dư nợ tối đa là 300 tỷ Đồng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài khoản tiền gửi trị giá 16 tỷ Đồng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (Thuyết minh 3). Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và được cấp hạn mức trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Lãi suất vay được xác định theo từng lần rút vốn.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam là khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/4752598/HĐTD đề ngày 9 tháng 9 năm 2020 có mức dư nợ tối đa là 200 tỷ Đồng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và được cấp hạn mức kể từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 9 tháng 9 năm 2021. Lãi suất vay được xác định theo từng lần rút vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2020	2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký	36.500.000	36.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.500.000	36.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.500.000	36.500.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2020		2019	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP	18.726.781	51,31	18.726.781	51,31
Các cổ đông khác	17.773.219	48,69	17.773.219	48,69
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.500.000	100	36.500.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	27.719.850	277.198.500.000
Cổ phiếu mới phát hành	8.780.150	87.801.500.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	36.500.000	365.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	36.500.000	365.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	277.198.500.000	19.717.060.000	83.824.619.704	26.239.358.052	406.979.537.756
Phát hành cổ phiếu tăng vốn (Thuyết minh 30(a))	87.801.500.000	-	-	-	87.801.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	206.852.628	206.852.628
Chi thưởng Ban điều hành	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(13.859.925.000)	(13.859.925.000)
Thù lao Ban điều hành	-	-	-	(25.060.127)	(25.060.127)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	365.000.000.000	19.717.060.000	83.824.619.704	12.361.225.553	480.902.905.257
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	511.281.330	511.281.330
Thù lao Ban điều hành	-	-	-	(69.000.000)	(69.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	365.000.000.000	19.717.060.000	83.824.619.704	12.803.506.883	481.345.186.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

20 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2020	2019
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	511.281.330	206.852.628
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (VND)	(45.000.000)	(24.000.000)
	<u>466.281.330</u>	<u>182.852.628</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	36.500.000	33.228.492
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>13</u>	<u>6</u>

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 9.658 Đô la Mỹ. (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 97.236 Đô la Mỹ).

(b) Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã nhận bàn giao và quản lý 339.229 chai LPG theo Hợp đồng cho thuê chai LPG số 15a/2017/PVGAS/NK & PTTT-KMB/D4 đề ngày 19 tháng 1 năm 2017, Hợp đồng thuê vỏ bình số 216/2017/PVGAS/NK & PTTT-KMB/D4 đề ngày 25 tháng 7 năm 2017, Hợp đồng cho thuê chai LPG số 340/2018/PVGAS/ NK & PTTT-KMB/D4 đề ngày 7 tháng 9 năm 2018 và Hợp đồng cho thuê chai LPG số 127/2020/PVGAS/TT-PVGASLPG/04 đề ngày 27 tháng 3 năm 2020 giữa Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (công ty mẹ).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

22 DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa	3.423.037.810.189	3.428.542.246.048
Doanh thu vỏ bình gas (Thuyết minh 16(b))	18.122.340.045	18.312.312.938
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	16.805.780.418	33.607.128.926
	<u>3.457.965.930.652</u>	<u>3.480.461.687.912</u>

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.092.101.386.297	3.085.480.852.704
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.533.150.026	23.176.732.367
	<u>3.102.634.536.323</u>	<u>3.108.657.585.071</u>

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền vay	2.071.883.315	18.454.404.003
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	511.438.742	3.110.790.030
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	1.414.623.008	-
	<u>3.997.945.065</u>	<u>21.565.194.033</u>

25 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Lương nhân viên	55.071.926.826	46.583.903.653
Khấu hao TSCĐ	35.217.507.563	32.824.555.247
Dịch vụ mua ngoài	116.448.292.900	95.550.956.201
Vận chuyển	37.727.137.616	65.754.561.509
Khấu hao vỏ bình gas	35.539.144.053	36.308.050.388
Vật liệu bao bì đóng gói	8.480.585.442	9.046.807.516
Công cụ, dụng cụ	7.406.822.168	8.758.819.093
Khác	18.259.253.477	14.255.690.598
	<u>314.150.670.045</u>	<u>309.083.344.205</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020 VND	2019 VND
Lương nhân viên	27.696.283.879	21.055.850.718
Dịch vụ mua ngoài	16.131.503.340	18.062.235.011
Dự phòng phải thu khó đòi	2.807.015.091	(2.526.215.985)
Khấu hao TSCĐ	769.399.156	1.590.042.540
Khác	2.422.974.237	5.427.301.691
	<u>49.827.175.703</u>	<u>43.609.213.975</u>

27 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.036.681.330	206.852.628
Thuế tính ở thuế suất thông thường 20%	207.336.266	41.370.526
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(124.800.000)	(160.000.000)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	25.794.245	87.035.252
Khác	417.069.489	31.594.222
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>525.400.000</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	525.400.000	-
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>525.400.000</u>	<u>-</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

28 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, nhưng không bao gồm giá mua hàng hóa liên quan tới hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2020 VND	2019 VND
Lương nhân viên	87.545.519.166	74.697.483.345
Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	39.081.477.778	36.166.520.256
Dịch vụ mua ngoài	147.864.543.657	128.944.069.428
Vận chuyển	37.727.137.616	65.754.561.509
Khấu hao vỏ bình gas	35.539.144.053	36.308.050.388
Vật liệu bao bì đóng gói	14.517.277.146	34.916.236.498
Công cụ, dụng cụ	7.406.822.168	8.758.819.093
Khác	40.890.066.131	35.198.542.763
	<u>410.571.987.715</u>	<u>420.744.283.280</u>

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty kinh doanh mặt hàng chính là khí gas hóa lỏng và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Doanh thu và giá vốn các hoạt động kinh doanh khác phát sinh lần lượt là 34 tỷ Đồng và 10 tỷ Đồng, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp. Do đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh gas hóa lỏng và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác nêu trên.

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty là một công ty cổ phần. Chi tiết các cổ đông được nêu trong Thuyết minh 18. Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ tối hậu
Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Công ty nhận đầu tư
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty thuộc Tập đoàn
Viện Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ An toàn Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Công ty thuộc Tập đoàn

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2020 VND	2019 VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	8.386.604.833	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP	4.066.602.482	23.170.282.757
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	2.026.224.636	-
	<u>14.479.431.951</u>	<u>23.170.282.757</u>
ii) Doanh thu bán tài sản		
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	<u>26.505.634.542</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH LPG VIỆT NAM
(trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN BẮC)

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

	2020 VND	2019 VND
iii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	2.409.071.236.311	703.791.782.835
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	7.724.147.384	-
Viện Dầu khí Việt Nam	3.929.141.420	7.638.291.246
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	1.885.045.176	1.886.607.636
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	1.697.549.568	1.865.641.408
Công ty Cổ phần Dịch vụ An toàn Dầu khí Việt Nam	53.463.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	524.991.118.210
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	-	76.737.247.262
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	-	46.060.000
	<u>2.424.360.582.859</u>	<u>1.317.106.748.597</u>
iv) Hoạt động tài chính		
Phát hành cổ phiếu tăng vốn (Thuyết minh 19)		
Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP	-	87.801.500.000
	<u>-</u>	<u>87.801.500.000</u>
v) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	3.243.136.872	3.768.796.785
	<u>3.243.136.872</u>	<u>3.768.796.785</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2020 VND	2019 VND
<i>i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)</i>		
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	46.042.688.142	46.739.648.142
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	29.156.197.996	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP	2.205.487.997	343.323.858
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	218.900.000	215.954.550
	<u>77.623.274.135</u>	<u>47.298.926.550</u>
<i>ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)</i>		
Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP	765.983.289.149	272.935.220.719
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	71.143.449.656
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	-	15.691.210.935
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	180.992.855	201.251.378
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	219.229.542	60.459.323
Viện Dầu khí Việt Nam	-	33.519.272
	<u>766.383.511.546</u>	<u>360.065.111.283</u>

31 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2020 VND	2019 VND
Dưới 1 năm	19.841.177.067	18.090.382.601
Từ 1 đến 5 năm	43.944.478.923	47.121.546.223
Trên 5 năm	21.159.479.133	13.823.840.467
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>84.945.135.123</u>	<u>79.035.769.291</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

32 VẤN ĐỀ KHÁC

Sự lan rộng của Covid-19 từ đầu năm 2020 là một tình huống khó khăn và thách thức đối với hoạt động của Công ty. Tại ngày ký báo cáo tài chính này, Người đại diện theo pháp luật của Công ty đã thực hiện đánh giá về tác động của tình huống này đối với hoạt động của Công ty, bao gồm khả năng thu hồi giá trị ghi sổ của các tài sản, ghi nhận giá trị của các tài sản và nợ phải trả và kết luận là ảnh hưởng đến báo cáo tài chính là không đáng kể và Công ty có thể hoạt động bình thường trong vòng 12 tháng tới.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ tiếp tục theo dõi tình hình, có các hành động phù hợp và kịp thời để giảm thiểu tác động trong tương lai.

Báo cáo tài chính đã được Người đại diện theo pháp luật của Công ty phê chuẩn ngày 15 tháng 3 năm 2021.



Hoàng Thị Thùy Chi
Người lập



Phạm Thị Diệu Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Long
Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật